

VAI TRÒ CỦA TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN Ở BIỂN ĐÔNG

Will Rogers

Các xu hướng liên quan đến tài nguyên thiên nhiên, cả ở châu Á và trên thế giới, đang khiến quan hệ giữa các quốc gia ở Biển Đông trở nên phức tạp. Các cuộc đối thoại công khai hiện nay tập trung nhiều vào việc liệu các xu hướng đó có góp phần tạo nên xung đột hay không. Tuy nhiên, thực tế thì tình hình phức tạp hơn nhận định trên. Hàng loạt các xu hướng thay đổi liên quan đến năng lượng, kinh tế, tài nguyên và dân số như : nhu cầu năng lượng của thế giới đang gia tăng; sự phát triển của tầng lớp trung lưu tại khu vực Đông Nam Á ; quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp và dịch vụ ; việc dịch chuyển và phát triển ngành công nghiệp dầu mỏ ra ngoài khơi và tình trạng ngày càng khan hiếm nguồn tài nguyên thiên nhiên gần bờ sẽ tác động tới cách ứng xử của các quốc gia trong khu vực. Nếu các nhà lãnh đạo trong khu vực không hiểu được cách thức các xu hướng đó tương tác và ảnh hưởng tới hành vi của các quốc gia, thì họ sẽ có thể hiểu sai hành động của các quốc gia láng giềng, từ đó nguy cơ bất ổn định càng lớn hơn. Từ đó họ cũng có thể sẽ coi nhẹ các cơ hội hợp tác và củng cố an ninh, điều sẽ mang lại lợi ích cho tất cả các nước trong khu vực.

Nếu các chương khác của tập báo cáo này khẳng định rằng tài nguyên luôn luôn là nguồn gốc của cạnh tranh giữa các quốc gia tại Biển Đông, thì chương này sẽ xem xét nhiều hơn về cách thức tài nguyên thiên nhiên tác động tới cách cư xử của quốc gia tại khu vực. Chương này sẽ cung cấp tổng quan về các tác động chính trị và kinh tế mà các quốc gia phải đối mặt khi giải quyết các thách thức đặc thù liên quan đến vấn đề tài nguyên. Tiếp đó, chương này sẽ xem xét những xu hướng tài nguyên và môi trường quan trọng nhất tại khu vực – trong đó có năng lượng, thủy sản, khoáng sản và thay đổi

khí hậu. Ngoài ra, chương này giải thích cách thức các xu hướng tác động tới nguồn tài nguyên trên đất liền, chẳng hạn như các đường ống dẫn năng lượng trên đất liền, từ đó định hình cách thức mà các quốc gia sẽ ứng xử với các vấn đề liên quan đến nguồn tài nguyên biển. Cuối cùng, chương này sẽ đưa ra kết luận thông qua việc xem xét việc Mỹ và các quốc gia khác có thể củng cố ổn định khu vực như thế nào nhờ vào những chính sách liên quan tới các xu hướng tài nguyên.

Những mối quan tâm về nguồn tài nguyên trong khu vực

Các xu hướng tài nguyên và môi trường tác động tới các quốc gia tại Biển Đông theo những cách thức khác nhau. Tất cả các quốc gia buộc phải quản lý xu hướng năng lượng, các hoạt động khai thác mỏ, trồng rừng, sản xuất nghề cá, các nguồn cung nước sạch và việc sử dụng đất trồng trọt. Tuy nhiên, mỗi một quốc gia đều đối mặt với những bài toán chính trị và kinh tế đặc thù khi quản lý các nguồn lực đó.

Đối với Trung Quốc, tài nguyên thiên nhiên và môi trường là vấn đề cơ bản đối với đại chiến lược của nước này. Đảng Cộng sản Trung Quốc coi tăng trưởng kinh tế là nền tảng của tính hợp pháp chính trị, và tăng trưởng nhanh đòi hỏi nhu cầu tiêu thụ năng lượng, khoáng sản, nước và các tài nguyên khác ngày càng nhiều. Ngoài ra, giới lãnh đạo Trung Quốc cũng nhận thức rằng sự suy thoái về môi trường nảy sinh do tình trạng quản lý kém trong việc tiêu thụ năng lượng có thể gây ra bất ổn định xã hội và giảm tăng trưởng GDP¹.

¹ Theo một báo cáo mới đây của Ngân hàng thế giới, tỉ lệ người chết vì ô nhiễm đã ảnh hưởng xấu tới tăng trưởng GDP của Trung Quốc: «Theo một đánh giá, gánh nặng kinh tế của tỷ lệ chết trẻ và chết vì bệnh tật do ô nhiễm không khí tương đương với 157,3 tỷ nhân dân tệ vào năm 2003, chiếm khoảng 1,16% GDP. Con số này được xác định dựa trên giả định rằng giá trị kinh tế bị thiệt hại do mỗi cá nhân chết trẻ được tính bằng cách sử dụng giá trị GDP tính trên đầu người hiện tại cùng với khoảng thời gian mà lẽ ra còn trong cuộc đời họ. Nếu giá trị kinh tế bị thiệt hại của người chết trẻ được ước lượng thống kê vào khoảng 1 triệu NDT – được xác định dựa theo mức độ sẵn sàng chi trả của người dân trong việc tránh rủi ro tử vong - thì những tổn thất do ô nhiễm không khí gây ra tương đương với 3,8% GDP». World Bank, “Cost of Pollution in China: Economic Estimates of Physical Damages” (2007), xiii.

Đối với các quốc gia láng giềng của Trung Quốc tại Biển Đông, việc quản lý tài nguyên và môi trường có thể đóng vai trò ít quan trọng hơn về mặt chiến lược, tuy nhiên, những vấn đề này vẫn đặt ra nhiều thách thức lớn. Chẳng hạn như Indonesia phải tìm cách cân bằng giữa nhu cầu về tài nguyên đang ngày càng cấp bách với các tình trạng đáng lo ngại như thiếu đất, hiện tượng nước biển dâng và dân số tăng. Giới lãnh đạo của Indonesia đã và đang ủng hộ chính sách tăng trưởng xuất khẩu dựa trên việc sản xuất dư thừa thực phẩm, nhiên liệu sạch và khoáng sản để xuất ra bên ngoài. Quốc gia này cũng cam kết bảo tồn số rừng nhiệt đới còn tồn tại và tăng cường nỗ lực tái phủ xanh rừng. Các nhà tài trợ quốc tế đã cam kết hơn 3 tỷ đô-la cho hoạt động này. Với diện tích đất đai hạn chế dành cho phát triển – cùng hàng loạt các nhân tố nội bộ làm giảm sự kiểm soát của chính phủ trung ương² - câu hỏi về cách thức đầu tư như thế nào cho phát triển đang đặt ra nhiều thách thức chính trị mang tính hệ trọng. Chẳng hạn như, chính phủ Indonesia hiện nay đang bàn thảo về việc liệu có nên chuyển mục đích sử dụng các khu vực canh tác đặc thù của sản xuất lương thực cũng như trồng trọt trong nước sang sản xuất nhiên liệu sạch cho thị trường tiêu thụ quốc tế hoặc để tái trồng rừng hay không. Mỗi một mục đích sản xuất nêu trên đều liên quan đến việc đánh đổi giữa lợi ích của thị trường trong nước và nước ngoài³. Nhu cầu toàn cầu cũng tác động tới những lựa chọn đó. Trong những năm vừa qua, Liên minh châu Âu (EU) đã từng hạn chế nhập khẩu dầu cọ có xuất xứ nước ngoài được sản xuất thông qua việc sản xuất không bền vững với môi trường. Điều này đã từng gây ra những căng thẳng ngoại giao với các quốc gia xuất khẩu như

² Tham khảo Abraham Denmark, *Crafting a Strategic Vision: A New Era of U.S.-Indonesia Relations* (Washington: Center for a New American Security, 2010), 17-20.

³ Ví dụ, khi xem xét đến giá trị kinh tế của các nhiên liệu sinh học như dầu cọ (như In-đô-nê-xia có lãi khoảng 12,4 tỷ đô la vào năm 2009), giới hoạch định chính sách tỏ ra thận trọng trước những đánh đổi chính trị liên quan tới việc giảm sản xuất dầu cọ trong nước bởi nếu có thể đạt được tỉ lệ như mức cam kết của họ với những nhà tài trợ quốc tế trong việc bảo vệ những khu rừng còn sót lại thì việc giảm sản xuất này sẽ mang lại nguồn tiền cho các chương trình quốc gia., Claire Leow và Yoga

Rusmana, "Indonesia to Develop Value-Added Palm Oil Industry, Rajasa Says," Bloomberg, December 1, 2009, <http://www.bloomberg.com/apps/news?pid=newsarchive&sid=a15d6QXkUfwI&refer=commodities>.

Indonesia và Malaysia. Cả hai quốc gia này đều đã từng đệ trình đơn kiện lên Tổ chức thương mại thế giới (WTO) để nhằm thúc đẩy việc xuất khẩu dầu cọ⁴.

Việt Nam hiện đang đối diện với nhiều thách thức môi trường có ảnh hưởng trực tiếp đến sự tăng trưởng kinh tế liên tục trong những năm qua. Quốc gia này đang trong tiến trình hoàn thành Các Mục tiêu thiên niên kỷ nằm trong Tuyên bố Thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc năm 2000; những mục tiêu đó bao gồm việc xóa đói giảm nghèo, phòng chống bệnh dịch và đảm bảo tính bền vững của môi trường. Chẳng hạn, Việt Nam đã đạt kết quả giảm đói nghèo từ 58,1% (năm 1993) xuống còn 16% (năm 2006) - đây là một thành tích đáng chú ý⁵. Từ năm 2005, GDP thực tế (tính cả điều chỉnh lạm phát) đã tăng với tốc độ hàng năm từ 5,3-8,5%.⁶ Nhờ vào sự phát triển này, đời sống của người dân Việt Nam đang ngày càng được cải thiện. Nhưng đi cùng với đó, sự phát triển này cũng làm gia tăng những căng thẳng về nguồn cung nước sạch tại đây và càng ngày càng khiến vấn đề ô nhiễm môi trường trở nên trầm trọng. Khu vực đồng bằng sông Cửu Long đặc biệt dễ bị ảnh hưởng trước những tác động của biến đổi khí hậu, bao gồm hiện tượng nhiễm mặn và xói mòn. Mặc dù đóng góp của khu vực sản xuất nông nghiệp tại Việt Nam chiếm tỉ trọng ngày càng ít trong GDP quốc gia, ngành này vẫn tiếp tục mang lại thu nhập về xuất khẩu và củng cố cho sự phát triển kinh tế nông thôn thông qua việc thúc đẩy mở rộng sân bay, các tuyến đại lộ cũng như các cơ sở hạ tầng khác. Tồn thất về môi trường và những tác động của biến đổi khí hậu đang đe dọa nghiêm trọng nỗ lực phát triển của đất nước, trong đó có những kế hoạch xuất khẩu nông sản; nhiều chuyên gia cảnh báo năng suất trong sản xuất nông

⁴ Ví dụ, đọc Bill Guerin, "European Blowback for Asian Biofuels," *Asia Times Online*, February 8, 2007; và Pete Harrison, "Malaysia, Indonesia Warn EU Hampers Palm Oil Trade," Reuters, 16 tháng 11, 2010.

⁵ United Nations MDG Monitor, "Viet Nam," www.mdgmonitor.org/country_progress.cfm?c=VNM&cd=704; and World Bank, "Vietnam: Country Overview," (Tháng 6/2008), 1-4.

⁶ World Bank, "East Asia and Pacific Economic Update 2010, Vol. I," (2010), 46.

nghiệp rất dễ bị ảnh hưởng trước bất cứ thay đổi nào dù là nhỏ nhất trong những thay đổi của khí hậu cũng như độ mặn của đất.

Các quốc gia nói trên – cùng với Philippines, Malaysia, Singapore và các quốc gia ven Biển Đông khác – đều có kinh nghiệm đối với những thách thức đặc thù liên quan tới xu hướng tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Những thách thức trong nước ảnh hưởng đến cách ứng xử của họ với bên ngoài, đồng thời cũng có thể làm gia tăng cạnh tranh hoặc thúc đẩy hợp tác. Đặc biệt, ba nguồn tài nguyên sẽ có thể ảnh hưởng đến hành vi của các quốc gia ở Biển Đông và đóng vai trò quan trọng trong việc nhận thức rõ viễn cảnh của sự cạnh tranh cũng như hợp tác trong khu vực, đó là: năng lượng, nguồn hải sản và khoáng sản.

Năng lượng

Đối với phần lớn các quốc gia trong khu vực, việc tiếp cận Biển Đông luôn được xem là nhân tố quyết định tới việc thỏa mãn nhu cầu năng lượng cần thiết mà các quốc gia cần để phát triển, đặc biệt là trong bối cảnh khu vực được đánh giá là có khả năng trở thành " một vịnh Ba Tư mới".⁷ Mặc dù những đánh giá về trữ lượng khí đốt tự nhiên và các nhiên liệu khác (*theo từ chuyên ngành là chỉ số RRP hoặc R/P, có nghĩa là chỉ số giữa trữ lượng và sản xuất – ND*) đang thay đổi một cách nhanh chóng do sự phát triển của công nghệ và những thay đổi về giá cho phép các quốc gia có thể khai thác trữ lượng tài nguyên nhiều hơn dự tính ban đầu, nhưng các quốc gia vẫn đang gia tăng lo ngại về việc liệu trữ lượng tài nguyên này có đáp ứng được nhu cầu năng lượng trong dài hạn của họ hay không. Chẳng hạn, theo hãng BP, chỉ số R/P trữ lượng dầu của Trung Quốc – chỉ số sẽ cho biết việc cung ứng dầu mỏ quốc nội sẽ kéo dài bao lâu với tốc độ sản xuất hiện tại – chỉ ở mức 9,9 năm, và trữ lượng dầu tại Biển Đông có thể gấp đôi trữ lượng dầu mà Trung Quốc

⁷Energy Information Administration, "South China Sea," Country Analysis Briefs, Tháng 3/2008, http://www.eia.gov/emeu/cabs/South_China_Sea/OilNaturalGas.html.

hiện có.⁸ Các quốc gia trong khu vực có thể tìm kiếm việc tăng sản lượng tại Biển Đông bởi nguồn năng lượng dự trữ toàn cầu hiện nay đang tập trung phần lớn ở các quốc gia bất ổn chính trị, như Iran, Venezuela và Arap Saudi.

Tuy nhiên, các đánh giá về nguồn dự trữ năng lượng tại Biển Đông lại có nhiều khác biệt. Một đánh giá mới đây của Mỹ cho thấy rằng Biển Đông có khoảng 15,6 tỷ thùng dầu, trong đó có khoảng 1,6 tỷ thùng là trữ lượng dầu đã xác minh (trữ lượng xác minh là lượng dầu khí có thể thu hồi thương mại tính được ở thời điểm nhất định với độ tin cậy cao - ND). Ngược lại, những nhà thăm dò Trung Quốc đánh giá trữ lượng dầu có thể dao động từ 105 – 213 tỷ thùng, trong đó có khoảng 10,5 – 21,3 tỷ thùng là trữ lượng dầu đã xác minh, ngoài ra còn có trữ lượng lớn khí đốt tự nhiên.⁹ Mặc dù có những khác biệt đó, một số quốc gia – trong đó có Trung Quốc, Việt Nam và Philippines - đang xúc tiến một vài kế hoạch khai thác các nguồn tài nguyên này. Các quốc gia lân cận khu vực biển Đông cũng quan tâm đến vấn đề này. Chẳng hạn như Ấn Độ đã tuyên bố vào tháng 9/2011, Công ty quốc doanh dầu mỏ và khí đốt tự nhiên của nước này sẽ là đối tác với Việt Nam trong việc khai thác dầu mỏ và khí đốt tự nhiên trong những vùng biển tranh chấp mà Việt Nam yêu sách thuộc chủ quyền của họ.¹⁰ Trong khi đó, Trung Quốc tiếp tục đưa ra những cảnh báo đối với các quốc gia bên ngoài đang can dự vào các tranh chấp lãnh thổ trong khu vực. Điều này đã và đang làm gia tăng căng thẳng, theo đó, tất cả các quốc gia trong khu vực lo sợ rằng việc tiếp cận các nguồn tài nguyên

⁸ BP, “Statistical Review of World Energy,” (Tháng 6/2011), 6.

⁹ Các chuyên gia chỉ ra chính xác rằng các đánh giá của Trung Quốc chỉ bao gồm tổng thể trữ lượng dầu mỏ và khí đốt mà không tính đến số liệu chuẩn của ngành công nghiệp về tỷ trọng của dầu khí có thể thu hồi được, con số đã được chứng minh là khoảng 10%. Chính vì thế, tuyên bố của Trung Quốc về tiềm năng năng lượng ở Biển Đông là thái quá. Tham khảo thêm, Clive Schofield, Ian Townsend-Gault, Hasjim Djalal, Ian Storey, Meredith Miller and Tim Cook, “From Disputed Waters to Seas of Opportunity,” Special Report No. 30 (National Bureau of Asian Research, Tháng 7/ 2011), 12.

¹⁰ Sachin Parashar, “Undeterred India to Hunt for Oil in South China Sea,” *The Times of India*, 17 tháng 9, 2011, http://articles.timesofindia.indiatimes.com/2011-09-17/india/30168478_1_respect-and-support-countries-ongcvidesh-pham-binh-minh.

này là một đề xuất "tổng bằng không" và họ phải khai thác các nguồn tài nguyên trước khi các quốc gia khác tiếp cận.

Ngoài ra, việc tiếp cận rộng rãi các tuyến lưu thông hàng hải (SLOC) chạy qua Biển Đông và kết nối các quốc gia trong khu vực với nguồn năng lượng từ Trung Đông thì cũng quan trọng như nguồn tài nguyên dầu mỏ ở dưới đáy biển tại khu vực này vậy. Chẳng hạn, hàng năm có 60 nghìn tàu quá cảnh tại eo biển Ma-lắc-ca, trong đó các tàu chở dầu chứa khoảng hơn 13 triệu thùng dầu, chiếm khoảng 40% số dầu được sản xuất trên toàn cầu.¹¹ Bản thân Trung Quốc cũng nhận ra rằng quốc gia này sẽ chịu nhiều tác động từ việc ngừng cấp năng lượng tại Biển Đông bởi 80% nguồn năng lượng của họ trong quá trình vận chuyển phải quá cảnh tại eo biển Ma-lắc-ca.¹² Điều này phần nào giải thích lý do Trung Quốc yêu sách phần lớn Biển Đông: bởi quốc gia này muốn độc quyền khả năng bảo vệ các tuyến SLOC khỏi nguy cơ tiềm tàng của việc bị cắt đứt nguồn cung dầu.

Sự cạnh tranh các nguồn nhiên liệu hóa thạch tại Biển Đông sẽ không chỉ phụ thuộc vào yêu sách của các quốc gia đối với các mỏ ngoài khơi xa mà còn phụ thuộc vào khả năng phát triển công nghệ nhằm tiếp cận với các mỏ tài nguyên đó. Ngược lại, tốc độ phát triển công nghệ, đặc biệt là công nghệ tiếp cận năng lượng và các nguồn tài nguyên khác (như khoáng sản) ở xa bờ sẽ xác định cách thức các quốc gia này có thể khai thác trữ lượng dầu nhanh ra sao.

Chi phí cũng là một nhân tố. Mặc dù Trung Quốc và các quốc gia khác có thể có công nghệ đủ để sản xuất dầu mỏ và khí đốt ở phần lớn vùng

¹¹Department of Energy, "World Oil Transit Chokepoints," February 2011, http://www.eia.gov/cabs/world_oil_transit_chokepoints/Full.html.

¹² Tham khảo phần tham luận trong « Malacca dilemma » ở chương viết của Ian Storey trong tập san này.

nước sâu ở Biển Đông,¹³ nhưng chi phí để sản xuất dầu khí ở xa bờ thường tốn kém nhiều hơn so với việc sản xuất từ các nguồn năng lượng truyền thống, đặc biệt so với sản xuất tại Iraq, Iran, những quốc gia có trữ lượng dầu mỏ truyền thống dồi dào. Các công ty năng lượng trong khu vực cũng như quốc tế tiến hành khai thác tại đây hiểu rõ được những chi phí và lợi nhuận kinh tế trong vấn đề này. Tuy nhiên, đối với các nhà hoạch định chính sách và các chuyên gia, họ cần nhận thức được thực tế rằng chi phí khai thác dầu từ các mỏ truyền thống tại khu vực Trung Đông hoặc Bắc Mỹ không giống như chi phí khai thác dầu tại vùng biển sâu ở Biển Đông.

Lợi nhuận khai thác các nguồn tài nguyên dưới đáy biển tại Biển Đông có thể bị giảm nếu như (hoặc khi) các nhiên liệu thay thế có giá bằng với các nguồn tài nguyên hóa thạch truyền thống.¹⁴ Chẳng hạn, đầu tư của Hải quân Mỹ vào nhiên liệu sinh học từ tảo đã làm giảm chi phí một ga-lông nhiên liệu tảo ở Mỹ, khiến giá của nguồn nhiên liệu này gần xuống tới mức giá của dầu mỏ. Đầu năm nay, Hải quân Mỹ đã thông báo một đơn đặt hàng 450.000 ga-lông nhiên liệu sinh học tảo, đây là đơn hàng mua bán lớn nhất từ trước tới nay.¹⁵ Một đơn đặt hàng như vậy cho phép các công ty sản xuất năng lượng có thể tiến hành sản xuất dựa theo quy mô, điều này giúp giảm chi phí đơn vị

¹³ Andrew Erickson và Gabriel Collins, “China Aims to More Than Triple Its Oil & Gas Production in the South China Sea over the Next 10 years,” *China SignPost*, 31 (3/4/2011), http://www.chinasignpost.com/wp-content/uploads/2011/04/China-SignPost_31_China-Deepwater-Energy-Production_201104032.pdf.

¹⁴ Những nhà phân tích về năng lượng đã đánh giá, trong những cuộc trò chuyện cá nhân, rằng nhiên liệu sinh học có thể đạt cân bằng giá với dầu mỏ vào khoảng năm 2020. Các chuyên gia lập luận rằng thời gian cần thiết để tăng quy mô sản xuất của nhiên liệu sinh học nhằm cho ra được sản phẩm có mức giá cạnh tranh phụ thuộc nhiều vào ngành công nghiệp đang dẫn dắt phát triển, ngoài ra còn phụ thuộc vào các điều kiện về đầu tư quan trọng khác : « Nếu tham khảo dựa theo các kiến thức về công nghệ sinh học thì thời gian cần thiết là khoảng từ 5 đến 10 năm. Nếu nhìn từ góc độ của ngành công nghiệp dầu khí truyền thống, với các chu kỳ phát triển lâu dài cùng với sự phức tạp và quy mô của hệ thống phân phối, thời gian đó có thể kéo dài từ 15 đến 20 năm ». Daniel Yergin, *The Quest: Energy, Security, and the Remaking of the Modern World* (New York: Penguin Press, 2011), 663.

¹⁵ Theo Tư lệnh Hải quân Mỹ, ông Ray Mabus, với nhu cầu khiêm tốn của Hải quân, giá nhiên liệu làm từ tảo đã bị cắt giảm một nửa trong năm qua và sẽ dự báo bị cắt giảm tiếp một nửa trong năm nay. Department of Defense Bloggers Roundtable with Ray Mabus, Secretary of the Navy, August 22, 2011. See also Defense Logistics Agency, “Request for Information: Procurement of Hydro-Renewable Jet and Marine Diesel Fuel,” 23/5/2011, https://www.fbo.gov/?s=opportunity&mode=form&id=173a64498bcfa1e6da5b34df1aab2f91&tab=core&_cview=0.

của sản phẩm. Ngoài ra, những quy định mới – trong đó có quy định về phát thải khí các-bon trong ngành hàng không của EU và sắc lệnh của chính quyền Obama yêu cầu tất cả văn phòng liên bang giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính – có thể làm tăng nhu cầu sử dụng các nhiên liệu thay thế.¹⁶ Việc sản xuất nhiên liệu sinh học toàn cầu tiếp tục phát triển dẫn đến nguồn cung tăng có thể bù đắp được nhu cầu về dầu mỏ được sản xuất thông qua những phương thức sản xuất đất đỏ - trong đó có hoạt động rút dầu ở xa bờ và vùng biển sâu tại Biển Đông.

Tình hình phát triển của các lĩnh vực năng lượng khác cũng sẽ ảnh hưởng đến việc các quốc gia tính toán tới chi phí và lợi nhuận của các nguồn năng lượng tại Biển Đông. Đặc biệt, sự lo ngại về việc khan hiếm tài nguyên trong tương lai - hay đơn giản sự lo ngại bởi tình trạng tăng giá đột ngột do tăng chi phí sản xuất dầu mỏ - đang bắt đầu thúc đẩy các nền kinh tế mới nổi đa dạng hóa nhanh hơn các lĩnh vực sản xuất năng lượng bởi hiện nay các nguồn nhiên liệu hóa thạch không còn được xem là một nguồn năng lượng bền vững với chi phí thấp. Một số quốc gia trong và ngoài khu vực hiện đang đa dạng hóa các ngành vận tải của họ với phương tiện đi lại chạy bằng điện và các công nghệ khác nhằm giảm sự phụ thuộc vào dầu mỏ. Chẳng hạn như Trung Quốc, quốc gia này có mục tiêu sản xuất một triệu xe chạy điện một năm trong vòng năm năm tới, con số này cho thấy một mức tăng dự kiến đáng kể bởi Trung Quốc chỉ bán được 13,8 triệu xe vào năm 2010. Trung Quốc cũng đang tiến hành kế hoạch xây dựng trung tâm sản xuất xe điện tại Thượng Hải và kế hoạch tăng sản xuất năng lượng sạch và giảm phát thải khí ga gây hiệu ứng nhà kính, cả hai hoạt động trên đều đòi hỏi sự đa dạng về

¹⁶ Ví dụ, đọc European Commission on Climate Action, “Reducing Emissions from the Aviation Sector,” (January 4, 2011), http://ec.europa.eu/clima/policies/transport/aviation/index_en.htm; và President Barack Obama, “Executive Order 13514,” October 5, 2009, http://www.whitehouse.gov/assets/documents/2009fedleader_eo_rel.pdf.

năng lượng.¹⁷ Một sự đa dạng hóa như vậy có thể góp phần giảm vai trò chiến lược của dầu mỏ đối với Trung Quốc và các quốc gia khác vì theo thời gian, xe chạy bằng điện sẽ chiếm đa số. Điều đó có thể làm giảm đi những áp lực chính trị đối với các nhà lãnh đạo trong khu vực trong việc phát triển các nguồn dầu mỏ ở các khu vực tranh chấp, qua đó giảm thiểu được nguy cơ xung đột.

Những thay đổi trong sản xuất năng lượng ngoài ngành vận tải tương tự cũng ảnh hưởng tới sự phát triển năng lượng trong khu vực. Một số quốc gia tại Biển Đông hiện đang tăng cường sản xuất năng lượng từ các nguồn tái sinh nhằm thay thế năng lượng sản xuất từ các nhà máy sử dụng khí đốt tự nhiên, than và các nhiên liệu hóa thạch khác. Những nỗ lực đó có thể tiếp tục bởi lẽ nhiều quốc gia đang tiến hành đa dạng hóa các dạng năng lượng và cố gắng giảm phát thải khí các-bon. Ví dụ như, bất chấp hậu quả từ thảm họa Fukushima-Daiichi vừa xảy ra tại Nhật Bản, năng lượng nguyên tử vẫn tiếp tục được phát triển trong khu vực. Trung Quốc và Đài Loan hiện đang tiến hành xây dựng các nhà máy năng lượng hạt nhân và theo kế hoạch, họ còn tiếp tục xây thêm nhiều hơn nữa. Trong khi đó, Indonesia, Malaysia, Thái Lan và Việt Nam đã lên kế hoạch hoặc đề xuất xây dựng các lò phản ứng hạt nhân.¹⁸ Theo Văn phòng Năng lượng Hạt nhân quốc tế (IAEA), Việt Nam dự tính sản xuất được điện với công suất tối thiểu là 1000 mê-ga oát (MW) vào năm 2020, 4000 MW vào thời điểm 2025 và 10000 MW vào năm 2030.¹⁹ Indonesia và Thái Lan cũng có kế hoạch tương tự để phát triển điện với công suất 1000 MW từ nay đến 2020. Trong khi đó, công nghệ năng lượng mặt trời

¹⁷ Đọc Julian Rollins, “China Plans to Make a Million Electric Vehicles a Year by 2015,” *The Guardian*, 18/2/2011; “Hertz, GE Join China’s Electric Vehicle Pilot City,” *Environment News Service*, 30/8/2011; Fu Jing và Xie Songxin, “Green Energy Program Drafted,” *China Daily*, 3/2/2010; và Fran Yan và Ken Wills, “China 2010 Car Sales Up 33 Pct; Decline Seen Early ’11,” *Reuters*, 10/1/2011.

¹⁸ Paul K. Kerr, Mark Holt và Mary Beth Nikitin, *Nuclear Energy Cooperation with Foreign Countries: Issues for Congress*, R41910 (Congressional Research Service, 10/8/2011), 24.

¹⁹ International Atomic Energy Agency, “Viet Nam,” Tháng 7/2010, http://www-pub.iaea.org/MTCD/publications/PDF/CNPP2010_CD/countryprofiles/VietNam/CNPP2010Vietnam.htm.

có cơ hội để phát triển mặc dù những trở ngại gần đây có thể báo hiệu sự giảm sút của ngành công nghiệp sản xuất năng lượng mặt trời.²⁰ Thật vậy, tại nhiều bang của nước Mỹ như California, các ngành dịch vụ công cộng đang chuẩn bị ký kết các hợp đồng mua năng lượng tái sinh để giúp các công ty năng lượng mặt trời có quy mô nhỏ.²¹ Trung Quốc và nhiều quốc gia khác đang đầu tư các khoản tiền lớn vào ngành công nghiệp năng lượng mặt trời trong nước. Nhìn chung, ngành năng lượng sạch có thể sẽ phát triển, đặc biệt là vì ngành này tạo nhiều công ăn việc làm trong bối cảnh nền kinh tế thế giới đang phục hồi từ cuộc khủng hoảng tồi tệ nhất tính kể từ thời kỳ Đại suy thoái.²²

Điểm cuối cùng, các nguy cơ chính trị từ việc cạnh tranh các nguồn năng lượng tại Biển Đông đang gia tăng và sẽ ảnh hưởng đến cách ứng xử của các quốc gia trong khu vực. Cách hành xử ngày càng hiếu chiến của Trung Quốc có nguy cơ làm giảm đi hình ảnh của một cường quốc trở dậy hòa bình mà Trung Quốc luôn mong muốn hướng tới. Như phần lập luận của tác giả Ian Storey trong báo cáo này, Trung Quốc không thể sử dụng vũ lực công khai do sự phản đối của Mỹ và các nước láng giềng Đông Nam Á.²³ Đối với

²⁰ David Biello, “How Solyndra’s Failure Promises a Brighter Future for Solar Power,” *The Huffington Post*, 12/10/2011,

http://www.huffingtonpost.com/2011/10/12/solyndra-bankruptcy-future-solar-power_n_1007168.html.

²¹ Anne Mulkern, “Solyndra Bankruptcy Reveals Dark Clouds in Solar Power Industry,” *Greenwire*, 6/9/2011, <http://www.nytimes.com/gwire/2011/09/06/06greenwire-solyndra-bankruptcy-reveals-dark-clouds-insol-45598.html?pagewanted=1&ref=earth>.

²² Theo một báo cáo mới đây, ngành công nghiệp năng lượng sạch của Mỹ đã tăng trưởng ở mức 8,3% từ năm 2008 – 2009, nhanh hơn tất cả các ngành khác trong nền kinh tế. Mark Muro, Jonathon Rothwell và Devashree Saha, “Sizing the Clean Economy: A National and Regional Green Jobs Assessment,” (Brookings Institution, 13/7/2011), 21, http://www.brookings.edu/reports/2011/0713_clean_economy.aspx#. Tổng thống Obama cũng nhận định về đầu tư ngành công nghiệp năng lượng sạch ở Trung Quốc và Mỹ : « Những quốc gia như Trung Quốc hiện đang đầu tư vào các ngành nghề năng lượng sạch và Mỹ cũng nên làm như vậy... ngay khi chúng ta phục hồi khỏi đợt suy thoái này, quá trình chuyển đổi sang năng lượng sạch có tiềm năng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tạo hàng triệu công ăn việc làm, nhưng chỉ với điều kiện chúng ta thúc đẩy quá trình chuyển đổi đó và nắm bắt được thời cơ này ». Tổng thống Barack Obama, “Remarks by the President to the Nation on the BP Oil Spill,” 15/6/2010, <http://www.whitehouse.gov/the-press-office/remarks-president-nation-bp-oil-spill>.

²³ Theo Storey, « Trung Quốc hiểu rằng hành động quân sự công khai có thể làm phân tán mức độ có thể làm phá hủy lập luận « trở dậy/ phát triển hòa bình », nhanh chóng làm hao mòn những cố gắng của Trung Quốc đã xây dựng trong thập niên vừa qua và khiến một số quốc gia ASEAN tăng cường quan hệ

các quốc gia nhỏ hơn, nguy cơ chính trị bao gồm khả năng đẩy xa các đối tác thương mại lớn như Trung Quốc. Chẳng hạn như, Philippines đang phải đối mặt với tình huống khá nhạy cảm. Năm 2010, Trung Quốc đã tăng gấp đôi đầu tư nước ngoài vào Philippines và tăng 35% kim ngạch thương mại song phương.²⁴ Tuy nhiên, Philippines tiếp tục xích lại gần Mỹ do những vấn đề liên quan đến yêu sách của Trung Quốc đối với quần đảo Trường Sa. Mới đây, Mỹ cũng đã tuyên bố sẽ đưa tàu tuần tra bờ biển thứ hai tới Philippines, sự kiện này đã bị phía Trung Quốc lên tiếng chỉ trích.²⁵ Thêm nữa, phong trào phản đối việc nhượng lợi nhuận thu được từ tài nguyên khai thác ở xa bờ cho các công ty và cổ đông quốc tế sẽ tác động tới cách thức giới lãnh đạo quyết định những quốc gia nào có thể khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên. Trong tương lai gần, những nguy cơ chính trị tiềm tàng này có thể giảm nhẹ viễn cảnh xung đột công khai do mối quan hệ mật thiết giữa các quốc gia trong khu vực. Tuy nhiên, các nhà hoạch định chính sách trong và ngoài khu vực không nên đánh giá thấp khả năng có những tranh chấp nhỏ sẽ leo thang vượt khỏi tầm kiểm soát của họ.

Nghề cá

Các quốc gia ở Biển Đông ngày càng cạnh tranh nhau về nguồn cá. Những trữ lượng thủy sản này trị giá hàng tỷ đô-la trong thu nhập thường niên, chính vì thế, mong muốn tiếp cận với tài nguyên cá sẽ dẫn đến những hạn chế do các quốc gia đặt ra trong khai thác kinh tế tại các khu vực tranh chấp. Chẳng hạn, Trung Quốc không cho phép đánh cá ở khu vực phía Bắc của Biển Đông vào mùa sinh sản từ tháng 5 đến tháng 8, để bảo vệ nguồn

chiến lược với Mỹ », đọc Ian Storey, “China’s Bilateral and Multilateral Diplomacy in the South China Sea,” trong tập san này, 51.

²⁴ Andrew Jacobs, “Dispute over Bare Islands Underscores Philippines’ Rocky Relations with China,” *The New York Times*, 15/11/2011.

²⁵ “US Assures Philippines of 2nd Warship amid South China Sea Territorial Disputes,” *The Washington Post*, 17/11/2011, http://www.washingtonpost.com/world/asia-pacific/us-assures-philippines-of-2nd-warship-amid-south-china-sea-territorial-disputes/2011/11/16/gIQAEizySN_story.html.

thủy sản để tránh bị khai thác quá mức. Trung Quốc thường xuyên bắt giữ tàu đánh cá của Việt Nam vì cho rằng các tàu này vi phạm lệnh cấm đánh cá, họ còn yêu cầu chủ sở hữu nộp những khoản tiền phạt vô lý để phóng thích tàu và thuyền viên. Theo Bộ Tài nguyên môi trường của Việt Nam, Trung Quốc đã bắt giữ một số ngư dân và tàu thuyền của Việt Nam vào năm 2009 và đòi 31.500 đô-la tiền phạt.²⁶ Những sự kiện này càng làm gia tăng căng thẳng trong quan hệ ngoại giao giữa hai nước.²⁷

Ở các nơi khác trong khu vực, Nhật Bản cũng giữ nhiều tàu đánh cá Trung Quốc bởi những tàu này bị cáo buộc là đã vi phạm vùng lãnh hải của Nhật Bản gần đảo tranh chấp Điều Ngư/Sensaku. Trong một sự kiện đáng chú ý xảy ra vào tháng 9/2010, một tàu đánh cá của Trung Quốc bị nghi ngờ là đang tiến hành các hoạt động đánh cá trái phép đã đâm vào tàu tuần tra biển của Nhật Bản. Sự kiện này đã tạo ra một căng thẳng ngoại giao giữa Tokyo và Bắc Kinh, khiến hai nước tạm ngưng các quan hệ ngoại giao. Mặc dù diễn ra ở Biển Hoa Đông, sự kiện này cho thấy cạnh tranh trong nghề cá có thể làm gia tăng căng thẳng địa chính trị.

Tương tự như năng lượng, các xu hướng toàn cầu và khu vực có thể tác động đến cuộc cạnh tranh nhằm tiếp cận với tài nguyên cá tại Biển Đông. Cụ thể, tình trạng đánh cá quá mức, nhiệt độ đại dương thay đổi hay cách thức chăn nuôi và di cư thay đổi, tất cả đều tác động đến cách hành xử của các bên trong khu vực.

²⁶ Bộ Tài nguyên và Môi trường Việt Nam, “China Arrests Vietnamese Fishermen, Demands Astronomical Fines,” 6/5/2009, <http://www.monre.gov.vn/v35/default.aspx?tabid=675&CateID=80&ID=67863&Code=AFN5P67863>.

²⁷ Đáng chú ý rằng lý do của việc Việt Nam chỉ phản đối phần nào về lệnh cấm đánh cá của Trung Quốc được xuất phát từ mối quan ngại rằng việc phản đối này sẽ ngầm công nhận yêu sách chủ quyền của Trung Quốc tại Biển Đông. Xem thêm, Nguyen Dang Thang, “China’s Fishing Ban in the South China Sea: Implications for Territorial Disputes,” (S. Rajaratnam School of International Studies, 9/6/2011), <http://www.rsis.edu.sg/publications/Perspective/RSIS0892011.pdf>.

Việc giảm sút lượng thủy sản toàn cầu đang thách thức tới tình hình lương thực sẵn có và đời sống của nhân loại trên toàn thế giới.²⁸ Thật vậy, nhu cầu về tài nguyên thủy sản tiếp tục tăng lên vì dân số tại các nước đang phát triển tiếp tục gia tăng. Sản lượng cá toàn cầu cần phải tăng khoảng 25% từ nay đến 2030 để đảm bảo tỷ lệ tiêu thụ tính trên đầu người hiện nay.²⁹

Tài nguyên cá tại Biển Đông đóng vai trò hết sức quan trọng. Biển Đông là một trong những vùng biển trên thế giới có sự đa dạng cao về sinh học. Theo một số đánh giá, Biển Đông là nơi trú ngụ của khoảng 10% tài nguyên cá được sử dụng cho tiêu thụ của con người.³⁰ Ngoài ra, nguồn tài nguyên này còn đóng vai trò là nguồn cung cấp thực phẩm quan trọng cho khu vực khi mà lượng protein từ cá chiếm khoảng 22,3% trong bữa ăn hàng ngày ở Châu Á và con số này chỉ là 16,1% trên toàn thế giới. Tuy nhiên, Tổ chức Nông Lương của Liên Hợp Quốc (FAO) cảnh báo trữ lượng cá ở phía Tây Biển Đông đang bị khai thác quá mức. Điều đó có nghĩa, sản lượng từ khai thác cá hoặc đang ở mức cao nhất hoặc đang có xu hướng giảm; và một vài khu khai thác cá đã cạn kiệt.³¹ Trung Quốc và một số nước xuất khẩu cá đã ban hành nhiều luật bảo tồn – như lệnh cấm đánh cá đã nêu trên – để bảo vệ nguồn tài nguyên thủy sản trong mùa sinh sản; một số lệnh cấm trên điều chỉnh cả những vùng biển vốn nằm trong yêu sách của nhiều nước láng giềng khác.

Khoáng sản

²⁸ Chẳng hạn, từ năm 1974 đến 2008, việc khai thác quá mức và tình hình kiệt quệ tăng 10% tới 32% trên toàn cầu. Đọc United Nations Food and Agriculture Organization, “State of World Fisheries and Aquaculture 2010,” 35, <http://www.fao.org/docrep/013/i1820e/i1820e.pdf>.

²⁹ Như trên, 1, 69.

³⁰ Hội thảo khu vực/ Tham vấn chuyên gia về Định dạng cơ sở đánh cá và về cách tiếp cận về phục hồi môi trường sống và quản lý, Băng Cốc, 11-13/10/2011, http://www.seafdec.or.th/download/2011/Prospectus_Critical_Fishing_Grounds.pdf.

³¹ U.N. Food and Agriculture Organization, “State of World Fisheries and Aquaculture 2010,” 39.

Khoáng sản và kim loại – các nguyên liệu cần thiết cho hầu hết các công nghệ hiện đại – đóng vai trò quan trọng tại nhiều quốc gia có tốc độ phát triển nhanh ở Biển Đông. Hầu hết các nguồn tài nguyên khoáng sản có khả năng nằm ở vùng đặc quyền kinh tế (EEZ) của nhiều nước khác nhau thuộc khu vực tranh chấp. Tuy nhiên, khoáng sản đang chiếm vai trò chiến lược quốc tế vì nhu cầu của thế giới tăng lên, do đó, công cuộc tìm kiếm tài nguyên đang dịch chuyển từ đất liền ra biển.

Sản xuất khoáng sản trong khu vực có mối liên hệ về mặt lịch sử với những biến động chính trị nội bộ và tình hình bất ổn xã hội, gây ra nhiều hệ lụy cho các quốc gia nói riêng cũng như cho thế giới nói chung. Công nghiệp khai mỏ đã và đang gây ra bất ổn và các xu hướng ly khai vì nhiều nguồn khoáng sản nằm tại vùng đất tranh chấp bởi các nhóm sắc tộc và tôn giáo từ thời kỳ thực dân. Chẳng hạn, tranh chấp lãnh thổ kéo dài tại Philippines khi mà nhiều công ty trong nước và nước ngoài luôn tìm cách phát triển tài nguyên khoáng sản và năng lượng tại những khu vực tranh chấp. Hiện nay, Malaysia đang phải đối mặt với bất ổn và làn sóng phản đối trước việc tái khởi động việc khai thác và sản xuất một số loại khoáng sản hiếm. Đầu năm 2011, các cuộc chống đối do lo ngại về nhiễm phóng xạ đã kéo dài nhiều tháng, một phần nguyên nhân là do công luận lên án một mỏ quặng hiếm đã đóng cửa vào năm 1992 gây ra nhiều vấn đề sức khỏe đối với cộng đồng. Cuối cùng, Văn phòng IAEA đã thành lập một nhóm chuyên gia để giúp Chính phủ Malaysia xác định liệu những mỏ quặng mới có nguy cơ rò rỉ phóng xạ hay không.³²

Chính vì những thách thức chính trị đối với tài nguyên thiên nhiên trên đất liền, nên nhiều quốc gia và công ty quốc tế đang ngày càng quan tâm tới

³² Eileen Ng, “IAEA to Probe Safety of Malaysia Rare Earth Plant,” Associated Press, 13/5/2011; and Yoolim Lee, “Malaysia Rare Earths in Largest Would-Be Refinery Incite Protest,” Bloomberg, 31/5/2011. Trong một sự kiện vẫn chưa được giải quyết, hàng triệu công nhân In-đô-nê-xia đã tuyên bố đình công một tháng ở khu vực khai thác đồng và vàng Grasberg. Đọc Steve James, “Freeport’s Indonesia Mine Production Hit – CEO,” Reuters, 20/9/2011.

việc rút tài nguyên khoáng sản dưới đáy Biển Đông. Trung Quốc đang dẫn đầu trong việc đưa con người ra ngoài khu vực biển sâu để thăm dò khoáng sản cũng như chuẩn bị các công nghệ cần thiết để khai thác có hiệu quả khoáng sản. Năm 2010, một tàu lặn của Trung Quốc đã cắm cờ xuống đáy Biển Đông. Hiện nay, Trung Quốc đang tích cực cố gắng đạt được kỷ lục thế giới trong mức lặn sâu vào năm 2012 ; vào tháng 6.2011, tàu lặn Giao Long (Jiaolong) của Trung Quốc đã lặn thành công (tàu lặn này được thiết kế đặc biệt để lặn sâu hơn bất cứ các tàu khác trên thế giới).³³

Đối với các quốc gia trong khu vực, việc kiểm soát tài nguyên khoáng sản tại Biển Đông sẽ mang lại sức mạnh mặc cả vì các nước này đều theo đuổi những lợi ích chiến lược tại Biển Đông và ngoài khu vực. Tính tới thời điểm này, ví dụ nổi bật nhất của việc sử dụng nguồn tài nguyên khoáng sản chiến lược để đạt được đòn bẩy trong ngoại giao là vào năm 2010, khi Trung Quốc áp đặt lệnh cấm vận xuất khẩu đất hiếm đối với Nhật Bản. Tháng 9/2010, lực lượng bảo vệ bờ biển Nhật Bản đã cấm tàu đánh cá của Trung Quốc do bị nghi ngờ là đang đánh cá trong vùng biển nằm trong vùng biển tranh chấp tại biển Hoa Đông. Khi Nhật Bản từ chối phóng thích tàu đánh cá của Trung Quốc, Bắc Kinh đã tạm dừng quan hệ ngoại giao với Tokyo. Mặc dù giới quan chức của Trung Quốc phủ nhận rằng nước này đã cho phép lệnh cấm vận, hải quan Trung Quốc vẫn tạm ngừng xuất khẩu kim loại hiếm sang Nhật Bản.³⁴ Kết quả, các quốc gia khác tại khu vực có thể sẽ cố gắng khai thác nguồn tài nguyên khoáng sản dưới đáy biển để giảm thiểu sự phụ thuộc vào Trung Quốc và tăng khả năng mặc cả của họ.

Thách thức của biến đổi khí hậu

³³ . William Broad, “China Explores a Frontier 2 Miles Deep,” *The New York Times*, September 11, 2010; and “China Eyes World’s Deepest Dive in Manned Submersible by 2012,” Reuters, 26/7/2011.

³⁴ Keith Bradsher và Hiroko Tabuchi, “China Is Said to Halt Trade in Rare-Earth Minerals with Japan,” *The New York Times*, September 20, 2010, <http://www.nytimes.com/2010/09/25/business/global/25minerals.html>.

Biến đổi khí hậu sẽ tiếp tục làm căng thẳng những cuộc cạnh tranh về tài nguyên đang diễn ra tại khu vực Biển Đông. Nhiều chuyên gia an ninh cảnh báo rằng biến đổi khí hậu có thể là một tác nhân «gia tăng tình trạng bất ổn» thông qua việc làm trầm trọng các vấn đề môi trường theo phương cách có thể ảnh hưởng tới các thiết chế xã hội dân sự,³⁵ và điều này có thể ảnh hưởng tới quyết sách của các nước đối với nhiều nguồn tài nguyên – bao gồm năng lượng, nguồn thủy hải sản và khoáng sản.

Chẳng hạn, tình trạng hạn hán ở Trung Quốc là ví dụ điển hình về việc các xu hướng thay đổi khí hậu có ảnh hưởng lớn thế nào đến năng lực đa dạng hóa nguồn năng lượng của quốc gia và tăng cường nỗ lực tìm kiếm nhiên liệu hóa thạch tại Biển Đông. Mặc dù Trung Quốc đã sản xuất khoảng 16% lượng điện từ các đập thủy điện vào năm 2009 và nước này có kế hoạch tăng sản lượng điện năng từ thủy điện lên gấp đôi vào năm 2020,³⁶ năng suất thủy điện của Trung Quốc được dự báo là sẽ giảm khoảng 30-40% vào quý 4 năm 2011 vì tình trạng hạn hán kéo dài tại nhiều nơi ở Trung Quốc.³⁷ Tuy nhiên, lần giảm sút này không phải là sự kiện quá mới mẻ; trong những năm trở lại đây, hạn hán đã làm giảm sản lượng từ thủy điện ngay cả khi Trung Quốc đã và đang tăng công suất từ các nhà máy thủy điện của mình³⁸. Nhiều mô hình khoa học cho thấy biến đổi khí hậu có thể làm tình hình hạn hán trầm trọng hơn tại Đông Á và Đông Nam Á do ảnh hưởng đến lượng mưa tại đây³⁹. Từ

³⁵ U.S. Department of Defense, *Quadrennial Defense Review Report*, (Tháng 2/2010), 85.

³⁶ U.S. Energy Information Agency, “China” (Tháng 5/2011), <http://www.eia.gov/cabs/China/Full.html>.

³⁷ Simon Hall, “China Faces Potential Winter Power Cuts,” *The Wall Street Journal*, 21/10/2011, http://online.wsj.com/article/SB10001424052970204485304576644371484394618.html?mod=WSJ_World_LEFTSecondNews.

³⁸ Coco Liu, “China’s Drought Threatens Farm Income, Drinking Water, Wildlife and Hydropower,” *The New York Times*, 14/6/2011, <http://www.nytimes.com/cwire/2011/06/14/14climatewire-chinas-drought-threatensfarm-income-drinkin-63459.html?pagewanted=all>.

³⁹ Phòng thí nghiệm quốc gia Oak Ridge hỗ trợ cho Bản đánh giá quốc phòng 4 năm 1 lần (QDR) của Bộ quốc phòng Mỹ (DOD) bằng việc cung cấp các thông tin về sự thay đổi khí hậu. Theo như bản báo cáo đánh giá tích hợp của Bộ Tư lệnh Thái Bình Dương Mỹ (PACOM), thì khu vực Đông và Đông Nam Á dự kiến sẽ phải hứng chịu các vấn đề liên quan đến hạn hán: “theo như kịch bản A1B thì đã bắt đầu có những sự khô hạn tại Úc, Ấn Độ và vùng Đông Bắc Trung Quốc, nhưng vào năm 2100, vùng khô hạn được giới hạn nằm tại Úc, vùng Nam Á và Đông Nam Á. Với kịch bản A1F1, sự khô hạn được thấy rõ rệt nhất tại Úc, miền nam

đó làm giảm đi khả năng sản xuất điện tái sinh từ thủy điện của Trung Quốc, đồng thời càng thúc đẩy nhu cầu tìm kiếm nhiên liệu hóa thạch của nước này, trong đó có các nguồn nhiên liệu có ở Biển Đông.

Mặc dù dữ liệu còn hạn chế, nhiều bằng chứng hiện nay cho thấy biến đổi khí hậu cũng có thể tác động đến luồng di cư của cá, tình trạng này có thể làm cho cuộc cạnh tranh tại Biển Đông càng trở nên gay gắt hơn. Theo một nghiên cứu mới đây của Liên Hợp Quốc, hiện tượng nước biển nóng lên sẽ khiến các loài cá di cư về cực trái đất (phía Bắc, tại Biển Đông).⁴⁰ Do những loài cá sống trong vùng nước nóng di cư về phía Bắc, số lượng các loài cá sống trong vùng nước lạnh tại đây sẽ có xu hướng giảm đi (do nhu cầu đánh bắt cá không thay đổi - ND). Những sự thay đổi về luồng di cư như vậy có thể làm tăng việc khai thác cá tại các vùng biển tranh chấp ở Biển Đông. Điều này có thể làm gia tăng đụng độ giữa các tàu cá và khiến căng thẳng giữa Trung Quốc và các nước láng giềng tại Biển Đông trở nên tồi tệ hơn.

Nỗ lực làm giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính gây ra biến đổi khí hậu có thể làm tăng đầu tư vào ngành công nghiệp năng lượng sạch, từ đó sẽ làm tăng vai trò chiến lược của khoáng sản và kim loại tại Biển Đông. Thật vậy, công nghệ xanh – trong đó có pin chạy năng lượng mặt trời, tuốc-bin chạy bằng năng lượng gió, pin hiệu suất cao dành cho xe chạy bằng điện năng – phụ thuộc vào những chất liệu chiến lược vốn dễ bị ảnh hưởng bởi tình hình không ổn định của nguồn cung.⁴¹ Đặc biệt, ưu thế của Trung Quốc trong thị trường khoáng sản hiếm đang khiến cho các nước khác phải đa dạng hóa đối

Trung Quốc, các vùng nằm lân cận Thượng Hải, và Nhật Bản.” Oak Ridge National Laboratory, USPACOM Climate Change Assessment, 2010, http://www.ornl.gov/sci/knownledgediscovery/QDR/docs/USPACOM_Climate_Change_Assessmen.pdf.

⁴⁰ U.N. Food and Agriculture Organization, “State of World Fisheries and Aquaculture 2010.”

⁴¹ David Sandalow, Assistant Secretary of Energy for Policy and International Affairs, “The Federal Perspective on a National Critical Materials Strategy,” Statement Before the Subcommittee on Investigations and Oversight Committee on Science, Space and Technology (U.S. House of Representatives, 14/6/2011), <http://democrats.science.house.gov/sites/democrats.science.house.gov/files/documents/Final%20Sandalow%20Testimony.pdf>.

tác cung ứng để đảm bảo rằng công nghệ năng lượng sạch của họ không bị phụ thuộc vào nguồn cung không ổn định từ Trung Quốc. Như đã lập luận ở trên, điều này có thể làm gia tăng căng thẳng ngoại giao bởi các nước có xu hướng khai thác nguồn khoáng sản tại Biển Đông để bảo vệ các nguồn cung năng lượng thay thế và để kiểm soát đường tiếp cận với các khoáng sản đó, nhằm đạt được đòn bẩy ngoại giao quan trọng hơn.

Ngoài ra, biến đổi khí hậu có thể tác động đến một loạt các vấn đề khác, từ việc sản xuất lương thực tới vấn đề nước sạch, từ đó có thể tác động đến ổn định khu vực. Chẳng hạn, lũ lụt nghiêm trọng do mực nước biển tăng đã và đang ảnh hưởng ngành nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản ở các quốc gia duyên hải trong khu vực. Tại Việt Nam, tình hình lũ lụt và nước nhiễm mặn đang gây ảnh hưởng xấu đến nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Ngành nông nghiệp ở Việt Nam tận dụng vào mức độ ngập lụt hàng năm – trong khoảng từ 0,5 đến 3 mét - để phát triển ngành nông nghiệp lúa nước và ngành nuôi tôm, cá.⁴² Tuy nhiên, những nghiên cứu gần đây đã chỉ ra rằng lũ lụt ở mức 4 mét đã trở nên thường xuyên hơn và nghiêm trọng hơn trong bảy thập kỷ vừa qua, làm tê liệt các dự án nuôi trồng thủy sản ở vùng duyên hải và phá hủy các diện tích trồng trọt.⁴³ Bởi vậy, đối với Việt Nam, các vấn đề liên quan môi trường và khí hậu đang tác động đến sự phát triển và ổn định nội bộ.

Mối quan hệ tương tác giữa tài nguyên ở đất liền và trên biển

Những thay đổi tác động tới tài nguyên thiên nhiên trên đất liền thường được phân tích riêng rẽ với các thay đổi tác động tới tài nguyên trên biển. Tuy nhiên, theo như những tranh luận về vấn đề tài nguyên khoáng sản cho thấy, nhu cầu phát triển trên đất liền sẽ định hình những lợi ích về tài nguyên trên

⁴² Koko Warner, Charles Ehrhart, Alex de Sherbinin, Susana Adamo và Tricia Chai-Onn, “In Search of Shelter: Mapping the Effects of Climate Change on Human Migration and Displacement” (Center for International Earth Science Information Network, Tháng 5/2009), 23, http://www.ciesin.columbia.edu/documents/clim-migr-report-june09_media.pdf.

⁴³ Như trên, 23.

biển và ngược lại. Một số tài nguyên đặc thù và những vấn đề môi trường cho thấy các thách thức trên đất liền và trên biển tại khu vực Biển Đông có liên quan chặt chẽ, khó tách rời.

Chẳng hạn, Trung Quốc đang chủ động theo đuổi nguồn tài nguyên năng lượng tại Biển Đông bởi nước này lo ngại đến nguy cơ các nguồn cung năng lượng không ổn định cho các cơ sở dẫn dầu của nước này trên đất liền. Sự lo ngại này được đặt trong bối cảnh Trung Quốc đã và đang phụ thuộc ngày càng nhiều vào các cơ sở dẫn dầu trên. Theo báo cáo của Bộ Quốc phòng Mỹ năm 2011 về tình hình phát triển quân sự và an ninh của Trung Quốc, sự phụ thuộc này là cách mà Trung Quốc làm để giảm sự phụ thuộc của họ vào các nguồn năng lượng dễ bị tác động xấu do phải đi qua một số nút thắt quan trọng trên biển, đặc biệt là eo biển Ma-lắc-ca.⁴⁴ Tuy nhiên, chính những đường ống dẫn dầu trên đất liền đang ngày càng trở nên dễ tổn thương. Kéo dài từ Trung Á, dọc phía Tây Trung Quốc, hệ thống đường dẫn dầu và khí đốt tự nhiên có nguy cơ bị ngừng hoạt động do những bất ổn chính trị, sắc tộc và tôn giáo. Thật vậy, Trung Quốc phải vật lộn với bất ổn nội bộ ở các tỉnh phía tây - như với phong trào ly khai của người Uighur-cũng như tình hình bất ổn tại các quốc gia xung quanh như Pa-ki-xtan hay Miến Điện (còn được gọi là My-an-ma).⁴⁵ Tình trạng không ổn định trong việc cung ứng dầu khiến Trung Quốc ngày càng quan tâm đến nắm giữ các tuyến thông thương hàng hải và tiếp cận tới nguồn năng lượng tiềm tàng dưới đáy Biển Đông.

Các cách thức mà theo đó các nước quản lý nguồn tài nguyên ở thượng nguồn sông (được coi là nguồn tài nguyên trên đất liền hơn là nguồn tài nguyên trên biển) cũng cho thấy mối liên hệ giữa các nguồn tài nguyên trên

⁴⁴ U.S. Department of Defense, *Annual Report to Congress: Military and Security Developments Involving the People's Republic of China* (2011), 20.

⁴⁵ Emmanuel Karagiannis, "China's Energy Security and Pipeline Diplomacy: Assessing the Threat of Low-Intensity Conflicts," *Harvard Asia Quarterly* (24/12/2010), <http://asiaquarterly.com/2010/12/24/china%E2%80%99s-energy-security-and-pipeline-diplomacy-assessing-thethreat-of-low-intensity-conflicts/>.

đất liền và tài nguyên biển. Trong ví dụ có thể coi là nổi bật nhất, căng thẳng giữa Trung Quốc và các nước ở hạ nguồn sông Mê-công đang gia tăng. Hiện nay, Trung Quốc đang tiến hành xây dựng bốn đập thủy điện dọc con sông này và có kế hoạch xây thêm bốn công trình nữa nhằm mục đích tăng gấp đôi sản lượng thủy điện của nước này từ nay đến 2020.⁴⁶ Tác động sinh thái được dự báo cho thấy ảnh hưởng xấu đến các quốc gia hạ nguồn như Thái Lan và Việt Nam, những quốc gia có nền kinh tế và văn hóa xã hội phụ thuộc vào đa dạng sinh học của con sông này. Theo Ủy ban Sông Mê-công, việc xây đập ở thượng nguồn có thể làm nguy hại tới «một lượng lớn các loài và ngay cả một số loài đang có nguy cơ tuyệt chủng trên trái đất».⁴⁷ Ngoài ra, những thay đổi về dòng chảy có thể tác động xấu tới các khu vực duyên hải vì thay đổi dòng chảy khiến nước biển ăn sâu vào đất liền, từ đó ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp và các hoạt động khác trong khu vực duyên hải. Từ trước tới nay, hiếm khi Trung Quốc tham vấn với các nước khác về những nỗ lực xây dựng công trình dọc sông Mê-kông ; trong khi đó, các quốc gia láng giềng Đông Nam Á lại rất lo ngại đến việc liệu Trung Quốc sẽ tiếp tục theo đuổi các lợi ích riêng của nước này mà không quan tâm đến các vấn đề khu vực hay không. Những căng thẳng liên quan đến nguồn tài nguyên trên đất liền gia tăng kéo theo đó là lo ngại về việc khai thác các nguồn tài nguyên biển tại Biển Đông của Trung Quốc cũng đang lớn dần lên.

Những thay đổi tác động tới tài nguyên thiên nhiên trên đất liền thường được phân tích riêng rẽ với các thay đổi tác động tới tài nguyên trên biển. Tuy nhiên, nhu cầu phát triển trên đất liền sẽ định hình những lợi ích về tài nguyên trên biển và ngược lại

⁴⁶ Yoolim Lee, “China Hydropower Dams in Mekong River Give Shocks to 6 Million,” Bloomberg, 26/10/2010, <http://www.bloomberg.com/news/2010-10-26/china-hydropower-dams-in-mekong-river-give-shocks-to-60-million.html>.

⁴⁷ Strategic Environmental Assessment of Hydropower on the Mekong Mainstream, Mekong River Commission report, Tháng 10/2010, 16.

Những thay đổi rõ rệt của môi trường và khí hậu đang hình thành tại Đông Nam Á đã cho thấy mối liên hệ rõ ràng giữa tài nguyên trên đất liền và tài nguyên trên biển. Chẳng hạn, những tác động của biến đổi khí hậu đang đặt ra những thách thức cho khu vực Đồng bằng sông Cửu Long – nơi sản xuất một nửa số lượng gạo cho Việt Nam, 60% sản lượng cá và tôm, 80% sản lượng hoa quả.⁴⁸ Để giải quyết thách thức này, Việt Nam đang cố gắng cứu những khu rừng ngập mặn duyên hải, nhân tố giúp tạo nên vành đai bảo vệ tự nhiên trước sự tấn công dồn dập của những cơn bão biển. Điều này càng trở nên quan trọng trong bối cảnh mực nước biển tăng. Rừng ngập mặn cũng giúp cân bằng giữa lượng nước ngọt và nước mặn để cung cấp lượng nước thuận lợi cho những khu nuôi tôm, cá.⁴⁹ Tuy nhiên, vì các hoạt động chăn nuôi thủy sản của Việt Nam cũng là nguyên nhân khiến các khu rừng ngập mặn bị phá hủy, ngoài ra còn có những quy định mới có hiệu lực về bảo tồn rừng nên các hoạt động chăn nuôi thủy sản có xu hướng giảm. Trong bối cảnh dân số Việt Nam được dự báo là tăng khoảng 25% vào năm 2050,⁵⁰ những nhu cầu về lương thực sẽ ngày càng gia tăng – cùng với việc giảm hoạt động nuôi trồng thủy sản tại rừng ngập mặn – sẽ thúc đẩy cầu về nguồn cá từ Biển Đông, qua đó làm gia tăng thêm căng thẳng trong khu vực. Nói một cách đơn giản,

⁴⁸ Warner, Ehrhart, de Sherbinin, Adamo và Chai-Onn, “In Search of Shelter: Mapping the Effects of Climate Change on Human Migration and Displacement,” 23.

⁴⁹ Rừng ngập mặn đòi hỏi phải có sự cân bằng về độ mặn để tồn tại. Hiện tượng ngập mặn cho mực nước biển tăng cũng là tác nhân khiến diện tích rừng giảm. Đọc Mason Inman, “Where Warming Hits Hard,” *Nature Reports Climate Change*, 15/1/2009, <http://www.nature.com/climate/2009/0902/full/climate.2009.3.html>.

⁵⁰ Population Reference Bureau, “2011 World Population Data Sheet: Vietnam,” <http://www.prb.org/DataFinder/Geography/Data.aspx?ind=15&loc=402&hl=True>, tham khảo ngày 31/8/2011.

những thay đổi môi trường trên đất liền có thể làm tăng áp lực tới nguồn cá ngoài biển và cũng là một nguyên nhân gây cạnh tranh trong khu vực.⁵¹

Ngoài ra, quyết định về việc sản xuất trong một lĩnh vực có thể gây ra những thách thức an ninh trong một lĩnh vực khác. Chẳng hạn, nhu cầu ngày càng tăng về năng lượng điện hạt nhân dùng cho mục đích dân sự có thể dẫn đến lo ngại về việc phổ biến vũ khí hạt nhân do các công nghệ và nguyên liệu hạt nhân có thể được sử dụng cho mục đích kép (dân sự và quân sự). Các quốc gia giáp trực tiếp với Biển Đông mà không sở hữu các nhà máy năng lượng nguyên tử như Việt Nam, Malaysia, Indonesia, Philippines và Singapore đều đang xem xét vấn đề đầu tư vào công nghệ hạt nhân. Những quyết định về mục đích sử dụng của lò hạt nhân và về việc liệu họ có thể xử lý nhiên liệu trong nội địa có thể làm tăng thêm sự lo ngại về phổ biến vũ khí hạt nhân trong khu vực.

Những nỗ lực ngăn chặn nguyên liệu hạt nhân vượt ra khỏi biên giới đất liền có thể làm tăng các hoạt động phổ biến hạt nhân thông qua các tuyến hàng hải trong khu vực. Chẳng hạn, vào tháng 6/2011, một tàu khu trục của Hải quân Mỹ đã ra lệnh cấm một tàu mang cờ Belize có nguồn gốc từ Bắc Triều Tiên vì nghi ngờ tàu này buôn lậu thành phần chế tạo tên lửa tới Miến Điện và đã buộc tàu này quay trở về.⁵² Vì Bắc Triều Tiên đã từng tham gia phổ biến vũ khí hạt nhân – và Miến Điện luôn có tham vọng lâu dài sở hữu một lò phản ứng nghiên cứu, nên lệnh cấm cho thấy Miến Điện đang cố gắng sở hữu công nghệ làm giàu nguyên liệu hạt nhân và có khả năng nắm giữ vũ khí hạt nhân, thông qua đường biển.⁵³ Trong bối cảnh nhiều quốc gia trong

⁵¹ Neil Powell, Maria Osbeck, Sinh Bach Tan và Vu Canh Toan, “Mangrove Restoration and Rehabilitation for Climate Change Adaptation in Vietnam,” (World Resources Report, no date), http://www.worldresourcesreport.org/files/wrr/wrr_case_study_mangrove_restoration_vietnam.pdf.

⁵² Donald Kirk, “North Korean Ship Thwarted on Way to Burma (Myanmar),” *Christian Science Monitor*, 13/6/2011.

⁵³ David Albright, Paul Brannan, Robert Kelley và Andrea Scheel Stricker, “Burma: A Nuclear Wannabe; Suspicious Links to North Korea; High-Tech Procurements and Enigmatic Facilities” (Institute for Science

khu vực đang lập kế hoạch mở rộng sản xuất hạt nhân dùng cho mục đích dân sự, mối quan ngại về sự phổ biến hạt nhân qua đường biển tại Biển Đông sẽ tiếp tục gia tăng.

Thúc đẩy ổn định khu vực

Các vấn đề liên quan đến tài nguyên thiên nhiên sẽ tiếp tục khiến quan hệ giữa các quốc gia tại Biển Đông trở nên phức tạp. Chẳng hạn, nhu cầu về nguồn năng lượng truyền thống và thay thế sẽ ngày càng trở nên đáng chú ý trong tương lai gần, nhất là trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đang phục hồi, kéo theo giá năng lượng tăng cao do các ngành sản xuất công nghiệp đang phát triển. Nhu cầu về nguồn cá tại Biển Đông cũng có thể tăng lên vì dân số tăng và xu hướng di cư về các cộng đồng đô thị vùng duyên hải tiếp tục diễn ra tại Đông Nam Á. Trong khi đó, cầu thế giới về năng lượng sạch và công nghệ tinh xảo vốn đòi hỏi kim loại và khoáng sản chuyên dụng ngày càng tăng, nên theo đó, những nguồn tài nguyên dưới đáy Biển Đông cũng đang đóng một vai trò chiến lược quan trọng.

Tuy nhiên, chúng ta có thể tránh được xung đột. Các quốc gia cạnh tranh để giành việc tiếp cận tới tài nguyên thiên nhiên trên khắp thế giới theo cách mà không làm leo thang đến tầm xung đột về chính trị và quân sự.⁵⁴

Những quốc gia trong khu vực có thể thúc đẩy ổn định, và tăng cường an ninh của từng nước thông qua hợp tác. Chẳng hạn, nhu cầu ngày càng tăng đối với các nguồn năng lượng có thể khuyến khích các quốc gia cùng hợp tác

and International Security, 28/1/2010), <http://isis-online.org/isis-reports/detail/burmaa-nuclear-wanabee-suspicious-links-to-north-korea-high-tech-procureme/>.

⁵⁴ Có nhiều ví dụ về hợp tác và ổn định xung quanh vấn đề an ninh môi trường. Ví dụ điển hình là trường hợp của Ấn Độ và Pa-ki-xtan. Mặc dù có những cuộc đụng độ thường xuyên và tình trạng khan hiếm nước ngày càng tăng tại Nam Á và Trung Á, Ấn Độ và Pa-ki-xtan đã và đang tránh được xung đột thông qua việc cùng nhau quản lý dòng sông Hằng, thậm chí hai nước đã và đang thúc đẩy hợp tác về Sáng kiến lưu vực sông Hằng. Một sáng kiến như vậy là rất đáng ghi nhận trong bối cảnh hai nước đang xích lại gần nhau. Tại Bắc Phi, nhiều quốc gia đã hợp tác với nhau để cùng tiếp cận sông Nin thay vì nắm giữ tài nguyên sông cho riêng mình. Tham khảo các ví dụ khác, đọc Ken Conca and Geoffrey D. Dabelko, *Environmental Peacemaking* (Baltimore: Johns Hopkins University Press, 2002).

để theo đuổi phát triển các nhiên liệu thay thế, có thể bằng cách giảm thuế đánh vào các công nghệ năng lượng xanh, tạo điều kiện cho các công ty năng lượng sạch trong nước tiếp cận với thị trường quốc tế và mở rộng thị phần của họ. Với những mối quan tâm chung liên quan đến tình hình sụt giảm trữ lượng cá tại Biển Đông, các quốc gia có thể bắt tay để thúc đẩy các chương trình quốc tế về nghề cá nhằm thúc đẩy việc bảo tồn và phát triển bền vững. Các quốc gia cũng có thể xúc tiến chuyển giao các công nghệ thích nghi với khí hậu như hạt giống có khả năng thích ứng cao với khí hậu dành cho sản xuất nông nghiệp, hoặc vật liệu cơ sở hạ tầng bền vững hơn để có thể chịu được những cơn bão dữ dội và thường xuyên hơn, đồng thời bảo vệ công trình xây dựng, ngành thương mại và công nghiệp dễ bị tổn thương ở vùng duyên hải. Những nỗ lực đó có thể thúc đẩy ổn định thông qua việc giúp đỡ các quốc gia dễ tổn thương ứng phó với những tác động của hiện tượng tăng mực nước biển và các hậu quả khác của biến đổi khí hậu.

Tuy nhiên, thật đáng tiếc là một số quốc gia tại Biển Đông không nhận thức được cuộc đấu tranh tài nguyên của họ trong bối cảnh toàn cầu rộng lớn hơn. Các nước khó có thể theo đuổi các sáng kiến hợp tác khi họ phải đối mặt với những khó khăn đáng kể về chính trị và kinh tế. Sức ép chính trị nội bộ khiến cho nỗ lực quốc tế trong việc hợp tác xung quanh những thách thức về tài nguyên trong Biển Đông trở nên phức tạp hơn. Ví dụ như, nhiều tiêu đề tin tức vào cuối năm 2011 đã cho thấy chủ nghĩa dân tộc có xu hướng tăng ở những quốc gia như Việt Nam hay Philippines trong bối cảnh Trung Quốc đẩy mạnh hoạt động tại các vùng lãnh hải có tranh chấp.⁵⁵

Chính phủ Mỹ có thể giúp các quốc gia trong khu vực hiểu rõ hơn những thách thức từ những tương tác phức tạp giữa các vấn đề tài nguyên thiên và môi trường; đồng thời cũng giúp các nước thực hiện các chính sách

⁵⁵ Andrew Higgins, "In South China Sea, a Dispute over Energy," *The Washington Post*, 17/9/2011, http://www.washingtonpost.com/world/asia-pacific/in-south-china-sea-a-dispute-over-energy/2011/09/07/gIQA0PrQaK_story.html.

tăng cường ổn định. Trong tình hình phức tạp của thách thức về nguồn lực đang tác động tới khu vực, Mỹ nên khuyến khích các chính sách thúc đẩy những cam kết liên quan đến các vấn đề môi trường trong một phạm vi rộng lớn, từ ngành năng lượng đến nông nghiệp, từ nghề cá đến biến đổi khí hậu. Thí dụ như, Mỹ có thể xúc tiến việc trao đổi khoa học và công nghệ dân sự và hợp tác quân sự nhằm phát triển và thử nghiệm nhiên liệu sinh học thế hệ thứ hai (thế hệ này không sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc từ thực phẩm như đường và ngô). Điều này góp phần giảm cầu về dầu mỏ và giảm sức ép lên các quốc gia trong khu vực trong việc sử dụng đất nông nghiệp để sản xuất năng lượng, điều mà có thể khiến cuộc cạnh tranh thực phẩm như nguồn cá trở nên căng thẳng. Mỹ cũng có thể khuyến khích các phòng thí nghiệm của nước này và giới chuyên gia để giúp đỡ các nhà nghiên cứu trong khu vực Biển Đông có những đánh giá chính xác hơn về khí hậu, từ đó sẽ giúp các quốc gia lập kế hoạch và ứng phó tốt hơn trước tác động của biến đổi khí hậu. Nhờ đó sẽ góp phần giảm bớt những biến động chính trị và xã hội tiềm tàng. Những nỗ lực như vậy có thể thúc đẩy cạnh tranh về tài nguyên tại Biển Đông theo một cách hòa bình cũng như góp phần củng cố an ninh trong khu vực.

Will Rogers

Lan Hương (dịch)

Quang Hưng (hiệu đính)

Bản dịch chương V: *The Role of Natural Resources in the South China Sea* trong báo cáo: ***Cooperation from Strength: The United States, China and the South China Sea*** của Trung tâm An ninh mới (CNAS) của Mỹ.